

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kết luận phiên chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 4 Hội đồng Nhân dân tỉnh khóa XVII

Thực hiện kết luận của Chủ tịch HĐND tỉnh tại Thông báo số 1018/TB-HĐND ngày 13/12/2017; UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh kết quả thực hiện kết luận phiên chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh khóa XVII với những nội dung sau:

1. Về khắc phục tình trạng khai thác cát trái phép tại các hệ thống sông và các cửa lạch ven biển trên địa bàn tỉnh:

- Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo làm rõ:

+ Về tình trạng khai thác, tập kết cát trái phép ở các sông, cửa lạch trên địa bàn tỉnh; xác định mức độ ảnh hưởng, tác hại, hậu quả đối với hạ tầng kỹ thuật và đời sống nhân dân: Trong thời gian qua, việc khai thác, kinh doanh cát của một số doanh nghiệp được cấp phép khai thác chưa kê khai sản lượng khai thác đúng thực tế, chưa thực hiện đăng ký, đăng kiểm phương tiện đường thủy; một số doanh nghiệp được cấp phép nạo vét lòng sông, hồ có thu hồi cát chưa nghiêm túc thực hiện theo đúng phương án được duyệt, nhiều đơn vị chỉ tập trung tận thu cát, không chú trọng đến việc nạo vét bùn, đất thải; đồng thời, đã sử dụng tàu, thuyền lớn lợi dụng thời điểm ban đêm, đầu sáng, tại khu vực giáp ranh giữa các huyện ... để khai thác trái phép kiếm lời; chính các hoạt động khai thác trái phép đã làm sạt lở đất trồng màu của nhân dân, ảnh hưởng đến các công trình đê, kè, gây mất an ninh trật tự và bức xúc trong dư luận xã hội.

+ Về tiến hành kiểm tra nắm bắt tình hình nạo vét tuyến luồng hàng hải, lòng sông có tận thu cát (*chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo*): Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 09 dự án nạo vét tuyến luồng hàng hải, lòng sông, hồ được Bộ Giao thông Vận tải, UBND tỉnh chấp thuận, trong đó: có 01 dự án chưa triển khai thực hiện; 03 dự án, Chủ tịch UBND tỉnh đã yêu cầu dừng thực hiện; 01 dự án đã thực hiện xong, 01 dự án đã hết thời hạn thực hiện và 01 dự án đã đề xuất Bộ Giao thông Vận tải dừng thực hiện, bàn giao tuyến luồng để Tỉnh quản lý.

+ Về tổng rà soát lại các mỏ cát đã cấp phép, phân loại cụ thể những mỏ đang khai thác (*chi tiết có Phụ lục 2 kèm theo*): Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị, địa phương liên quan kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động khai thác, tập kết, kinh doanh cát đối với 24/32 mỏ cát trên địa bàn tỉnh, trong đó xác định có: 18 mỏ đang được các đơn vị tổ chức khai thác, đã cắm mốc, thả phao đầy đủ, đã đăng ký thời gian khai thác với địa phương; đã đăng

kiểm tàu, thuyền tham gia khai thác, vận chuyển nhưng chưa đăng ký do chưa có quy định về mức thu phí đăng ký; 01 mỏ cát đã được Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu dừng khai thác do chưa cấm mốc, thả phao theo quy định; 02 mỏ chưa tổ chức khai thác do đang đầu tư xây dựng cơ bản, máy móc, thiết bị; 02 mỏ đang tạm dừng khai thác do nhân dân có ý kiến đề nghị không khai thác; 01 mỏ cát số 121 của Công ty TNHH MTV Thái Dương có vị trí mỏ nằm trong dự án Thủy điện Cẩm Thủy 1, UBND tỉnh đã giao UBND huyện làm việc với 02 doanh nghiệp để đề xuất hướng xử lý.

+ Về tổng rà soát lại các bãi tập kết cát (*chi tiết có Phụ lục 3 kèm theo*): Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị, địa phương liên quan kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động khai thác, tập kết, kinh doanh cát đối với 61/70 bãi tập kết, kinh doanh trên địa bàn tỉnh, trong đó xác định có: 34 bãi tập kết cát đang hoạt động sản xuất kinh doanh đúng vị trí được thuê đất, cát có nguồn gốc hợp pháp; 01 bãi đã hết thời hạn thuê đất, Chủ tịch UBND tỉnh đã có quyết định thu hồi; 03 bãi chỉ tập kết than, không tập kết cát; 01 bãi chỉ tập kết quặng sắt, không tập kết cát; 07 bãi đang dừng hoạt động do không có mỏ hoặc có mỏ nhưng vị trí không phù hợp (không có mỏ); 08 bãi đang dừng hoạt động để đầu tư cơ sở hạ tầng, máy móc, thiết bị hoặc hoàn thiện thủ tục cấp mỏ; 02 bãi đang dừng hoạt động do nguồn cát lấy từ các mỏ đang gia hạn; 03 bãi đang dừng hoạt động do nguồn cát lấy từ các mỏ chưa được khai thác trở lại; 01 bãi không có hoạt động tập kết, kinh doanh cát, UBND tỉnh đã đồng ý chủ trương thu hồi, giao Sở Tài nguyên Môi trường hoàn thiện thủ tục thu hồi; 01 bãi tập kết tại xã Quảng Châu của Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Thăng Long không tổ chức tập kết do dự án nạo vét sông Mã đoạn từ cầu Hoàng Long đến phao số 0 đang dừng hoạt động.

- Từ thực tế nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành, UBND cấp huyện xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác, kinh doanh cát trên địa bàn với tổng số vụ vi phạm đã xử lý là 165 vụ (trong đó: năm 2017 xử lý 117 vụ; năm 2018 xử lý 48 vụ), tổng số tiền phạt là 3.412,5 triệu đồng (trong đó: năm 2017 là 2.500,6 triệu; năm 2018 là 911,9 triệu); chỉ đạo UBND cấp huyện nơi xảy ra vi phạm, tổ chức kiểm điểm làm rõ trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân có liên quan, như: tạm đình chỉ công tác 10 ngày đối với Phó Chủ tịch UBND xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa; kiểm điểm Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã, Trưởng Công an xã, Công chức địa chính các xã: Xuân Dương, Xuân Cao (huyện Thường Xuân), Phú Thanh, Phú Lệ, Nam Động, Nam Tiến, Thanh Xuân, Hồi Xuân, và thị trấn Quan Hóa (huyện Quan Hóa); Vĩnh Hòa, Vĩnh Ninh, Vĩnh Khang (huyện Vĩnh Lộc); Yên Phong, Yên Thọ, Yên Trường, Định Hải, Định Công (huyện Yên Định); Xuân Bái, Xuân Lai, Xuân Khánh, Thọ Nguyên, Hạnh Phúc, Xuân Thành (huyện Thọ Xuân); Tùng Lâm, Trúc Lâm (huyện Tĩnh Gia); Phúc Thịnh (huyện Ngọc Lặc) và phường Tào Xuyên (thành phố Thanh Hóa)...

- Để khắc phục tình trạng nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo:

+ Đối với các đơn vị được UBND tỉnh cấp phép khai thác cát; cho thuê đất làm bãi tập kết cát: Yêu cầu Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Thanh Tâm khẩn trương thực hiện việc cấm lại mốc giới mỏ cát số 02 xã Thiệu Tân, huyện Thiệu Hóa; sau khi thực hiện xong, có văn bản báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) làm cơ sở để xem xét, cho phép khai thác trở lại. Đồng ý chủ trương thu hồi bãi tập kết cát tại thị trấn Cẩm Thủy của Công ty TNHH Hưng Thái An; giao Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện thủ tục thu hồi. Yêu cầu các doanh nghiệp được cấp phép khai thác mỏ cát; các doanh nghiệp được cho thuê đất làm bãi tập kết cát mà trong dự án đầu tư có sử dụng tàu, thuyền để khai thác, vận chuyển cát phải thực hiện đăng ký, đăng kiểm theo quy định; sau ngày 15/7/2018, đơn vị nào chưa đăng ký, đăng kiểm đúng quy định, yêu cầu tạm dừng hoạt động và chỉ được hoạt động trở lại khi UBND tỉnh có văn bản đồng ý.

+ Đối với các cơ quan quản lý nhà nước: Giao các ngành, đơn vị hoàn thiện quy định về “Trách nhiệm của các Sở, ngành cấp tỉnh, chính quyền cấp huyện, xã trong công tác quản lý cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”, “Quy định trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong quản lý khai thác cát và khoáng sản khác” làm cơ sở tổ chức thực hiện. Yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố nơi có mỏ cát, bãi tập kết cát nghiêm túc kiểm điểm rút kinh nghiệm trong công tác kiểm tra, giám sát việc đăng ký số lượng, tải trọng tàu, thuyền; công suất thiết bị tham gia khai thác, vận chuyển cát trên địa bàn; kiên quyết tạm dừng việc khai thác, vận chuyển, tập kết cát đối với đơn vị nào vi phạm mốc thời gian đăng ký tàu, thuyền, thiết bị tham gia khai thác, vận chuyển cát nêu trên; trường hợp sau ngày 15/7/2018, nếu địa phương nào vẫn còn chủ mỏ, chủ bãi tập kết cát chưa đăng ký cụ thể số lượng, tải trọng tàu, thuyền, công suất thiết bị tham gia khai thác, vận chuyển cát, thì Chủ tịch UBND cấp huyện phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát, thống kê các đơn vị vi phạm mốc thời gian đăng ký tàu, thuyền, thiết bị tham gia khai thác, vận chuyển cát nêu trên; đề xuất cụ thể hướng xử lý, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 30/7/2018. Giao Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải thực hiện tốt việc xử lý các tàu, thuyền không đăng ký, đăng kiểm mà vẫn hoạt động. Giao Sở Giao thông Vận tải khẩn trương hướng dẫn, đôn đốc thực hiện việc đăng ký, đăng kiểm tàu, thuyền theo đúng thông báo Kết luận số 20/TB-UBND ngày 02/02/2018 của UBND tỉnh. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xem xét việc thu hồi đối với 07 bãi tập kết cát của các đơn vị đang dừng hoạt động do không có nguồn gốc cát hợp pháp hoặc không phù hợp với vị trí mỏ được cấp; có ý kiến đề xuất, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 30/7/2018.

2. Về khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực hiện các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo ở miền núi, vùng cao của tỉnh:

2.1. Về tổng rà soát chính sách của Trung ương và của Tỉnh: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tổng rà soát toàn bộ 28 chính sách của Trung ương (trong đó có: 02 chính sách về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt tại các xã, thôn, bản đặc biệt

khó khăn; 04 chính sách an sinh xã hội; 03 chính sách vay vốn, tín dụng; 06 chính sách về giáo dục, đào tạo; 04 chính sách đặc thù cho vùng 30^a; 02 chính sách về thông tin cho vùng dân tộc miền núi; 03 chính sách hỗ trợ định canh, định cư, di cư tự do, dự án ổn định vùng đồng bào Mông 02 chính sách về Y tế; 01 chính sách người có uy tín; 01 chính sách đối với cán bộ, công chức viên chức vùng đặc biệt khó khăn) và 9 đề án, dự án của tỉnh ban hành để thực hiện chính sách giảm nghèo, kết của cụ thể như sau (chi tiết có Phụ lục 4 kèm theo):

- Đối với 28 Chính sách do Trung ương ban hành:

+ Có 10 chính sách còn phù hợp, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện đến tận người dân được thụ hưởng, đảm bảo số lượng, chất lượng và thời gian cấp phát.

+ Có 03 chính sách đã được Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định thay thế các quyết định cũ.

+ Có 08 chính sách có một số nội dung không còn phù hợp với tình hình thực tế, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh để kiến nghị với Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp.

+ Có 07 chính sách bị chồng chéo, không còn phù hợp, dàn trải, không mang lại hiệu quả cao, đã được lồng ghép vào chính sách khác, gặp khó khăn trong triển khai thực hiện hoặc hết hiệu lực thi hành, đề nghị HĐND tỉnh xem xét, báo cáo, kiến nghị với Chính phủ để bãi bỏ, tích hợp vào chính sách khác.

- Đối với 09 đề án, dự án của tỉnh ban hành để thực hiện chính sách giảm nghèo, sau khi tổng rà soát:

+ Có 08 chính sách phù hợp với tình hình thực tế, giữ nguyên hiệu lực thi hành.

+ Có 01 chính sách đã hết hiệu lực thi hành: Chính sách chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 được ban hành theo Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 21/01/2011 của UBND tỉnh.

2.2. Về kinh phí thực hiện các chính sách của tỉnh:

Chủ tịch UBND tỉnh đã có quyết định về việc phê duyệt 09 đề án, dự án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 với tổng nhu cầu vốn là 2.053 tỷ đồng; đến nay, đã phân bổ kinh phí thực hiện các đề án, dự án là 32,842 tỷ đồng (trong đó, năm 2017 là 16,3 tỷ đồng, năm 2018 là 16,542 tỷ đồng). Trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ báo cáo HĐND tỉnh để tiếp tục phân bổ kinh phí thực hiện các đề án, dự án đã được duyệt theo quy định.

2.3. Về kết quả khắc phục tồn tại, hạn chế, bất cập của việc thực hiện các chính sách từ sau kỳ họp HĐND tỉnh lần thứ 4:

- Đối với việc đề nghị ban hành Chỉ thị “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác Dân tộc”: trên cơ sở Tờ trình của Ban Dân tộc, ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành, Chủ tịch UBND tỉnh đang giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục hoàn

thiện nội dung Chỉ thị đảm bảo chất lượng, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Đối với việc giải quyết bất cập trong công tác cấp gạo cho học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ: Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban Dân tộc có văn bản gửi các huyện (17 huyện) về việc tham gia quản lý, hướng dẫn chính sách hỗ trợ gạo cho học sinh; yêu cầu đơn vị cung ứng cấp lại gạo khác đảm bảo chất lượng; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc sử dụng gạo được cấp cho học sinh, kết quả: trong năm học 2017-2018 đã thực hiện cấp phát gạo 02 lần (học kỳ I, từ ngày 17/10/2017 đến ngày 30/10/2017, học kỳ II: từ ngày 15/3/2018 đến ngày 09/4/2018); chất lượng gạo đảm bảo; các trường Phổ thông dân tộc đã đưa gạo vào kho lưu trữ để tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh hoặc thông báo cho phụ huynh học sinh đến cùng nhận với học sinh tại trường theo quy định.

- Đối với việc đề nghị không cấp muối iốt và bột canh mà cấp tiền mặt cho hộ gia đình tự cân đối mua các mặt hàng theo Quyết định số 102/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, năm 2018: Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1348/QĐ-UBND, ngày 17/4/2018, về việc phê duyệt phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2018; hình thức hỗ trợ: hỗ trợ bằng tiền mặt 100% đối với tất cả các đối tượng; các đơn vị đang tổ chức triển khai thực hiện.

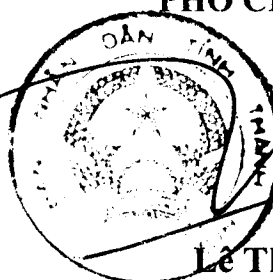
- Đối với việc hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 4753/QĐ-UBND, ngày 08/12/2017 phê duyệt Đề án “Thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2018 - 2020” theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; với tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án là: 940.618.1 triệu đồng, trong đó: ngân sách Trung ương hỗ trợ 143.299,9 triệu đồng; ngân sách địa phương: 4.437 triệu đồng.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện kết luận phiên chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh khóa XVII tại Thông báo số 1018/TB-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh kính báo cáo Hội đồng Nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- HĐND tỉnh kỳ họp thứ 6, khóa XVII;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn

Phụ lục 1: Dự án nạo vét luồng hàng hải, lòng sông, hồ có tận thu cát trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Báo cáo số: 99 /BC-UBND, ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên dự án	Cấp cấp phép	Tình trạng thực hiện	Ghi chú
1	Dự án nạo vét cửa sông Lạch Bạng từ Km00 đến km2+00	Bộ Giao thông Vận tải	Chưa thực hiện	
2	Dự án nạo vét cửa sông Mã từ cách hạ lưu cầu Hoàng Long 200m đến phao số 0	Bộ Giao thông Vận tải	Chủ tịch UBND tỉnh đã có Văn bản báo cáo, đề xuất Bộ Giao thông Vận tải dừng thực hiện dự án và bàn giao tuyến, luồng để tỉnh quản lý	
3	Dự án nạo vét sông Lạch Trường đoạn từ cầu Tào đến cửa Lạch Sung	UBND tỉnh Thanh Hóa	Đã thực hiện xong	
4	Dự án nạo vét sông Yên đoạn từ Cầu Ghép đến phao số 0	-nt-	Dự án đã hết hạn, Chủ tịch UBND tỉnh đã có chỉ đạo chưa xem xét gia hạn thời gian nạo vét	
5	Dự án nạo vét lòng hồ Khe Miếu, xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia	-nt-	Dự án đang triển khai thực hiện	
6	Dự án nạo vét lòng hồ Khe Xanh, xã Trúc Lâm, huyện Tĩnh Gia	-nt-	Dự án đang triển khai thực hiện	
7	Dự án nạo vét hồ Đồng Chùa tại huyện Tĩnh Gia	-nt-	Chủ tịch UBND tỉnh đã yêu cầu dừng thực hiện dự án	
8	Dự án nạo vét hồ Hao Hao tại huyện Tĩnh Gia	-nt-	Chủ tịch UBND tỉnh đã yêu cầu dừng thực hiện dự án	
9	Dự án nạo vét hồ Yên Mỹ thuộc huyện Nông Cống, Tĩnh Gia, Như Thanh	-nt-	Chủ tịch UBND tỉnh đã yêu cầu dừng thực hiện dự án	

Phụ lục 2: Danh sách các mỏ cát được kiểm tra trên địa bàn tỉnh
 (Kèm theo Báo cáo số : **99** /BC-UBND, ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên đơn vị	Số hiệu, địa điểm mỏ, bãi	Giấy phép	Về mốc giới mỏ	Đăng kiểm, đăng ký tàu thuyền	Đăng ký thời gian khai thác với địa phương	Ghi chú
I	TP Thanh Hóa						
1	Cty TNHH Tâm Đức	59 Sông Mã, Thiệu Dương	2580 14/8/2012	Đầy đủ	Đã đăng kiểm, chưa đăng ký	Đã đăng ký	Đang khai thác
II	Huyện Thiệu Hóa						-nt-
2	Công ty TNHH XD & TM Minh Thịnh	04 Sông Chu, thị trấn Vạn Hà và xã Thiệu Nguyên	3208 21/9/2009	Đầy đủ	Đã đăng kiểm, chưa đăng ký	Đã đăng ký	-nt-
3	Tổng Công ty XD và TM Hưng Đô - CTCP	05, Sông Chu, xã Thiệu Nguyên	3204 21/9/2009	Đầy đủ	Đã đăng kiểm, chưa đăng ký	Đã đăng ký	-nt-
4	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Thanh Tâm	02 chuyển đổi, sông Chu xã Thiệu Tân	136 13/4/2017	Chưa cắm mốc, thả phao			Chủ tịch UBND tỉnh đã yêu cầu dừng khai thác
III	Huyện Thường Xuân						
5	Công ty TNHH Dưỡng Mai	Sông Âm, Ngọc Phụng, Sông Đăn, Xuân Cao	15 15/01/2018				Chưa tổ chức khai thác do đang đầu tư xây dựng cơ bản
6	Công ty TNHH Năm Dững	Sông Đăn, xã Xuân Cao	442 29/11/2017				Đang tạm dừng khai thác do nhân dân đang có ý kiến
7	Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Bình Đức	Sông Đăn, xã Xuân Cao	420 06/11/2017				-nt-
IV	Huyện Yên Định						

8	Công ty TNHH Nam Lực	54 Sông Mã, Định Hải	30 08/4/2013	Đầy đủ	Đã đăng kiểm, chưa đăng ký	Đã đăng ký	Đang khai thác
9	Cty TNHH MTV Trường Tuấn	50 Sông Mã, Yên Phong	472 28/12/2017	Đầy đủ	Đã đăng kiểm, chưa đăng ký	Đã đăng ký	-nt-
10	Công ty CP TM Đức Lộc	41 Sông Mã, Quý Lộc	30 08/4/2013	Đầy đủ	Đã đăng kiểm, chưa đăng ký	Đã đăng ký	-nt-
V	Huyện Ngọc Lặc						
11	Công ty TNHH Bình Mai Anh	Sông Âm, Phùng Minh, Phùng Giáo	406 09/11/2016	Đầy đủ	Đã đăng kiểm, chưa đăng ký	Đã đăng ký	-nt-
12	Công ty CP ĐTXD và Thương mại Sơn Vũ	Sông Âm, xã Phùng Minh, Phúc Thịnh	414 01/11/2017	Đầy đủ	Đã đăng kiểm, chưa đăng ký	Đã đăng ký	-nt-
VI	Huyện Vĩnh Lộc						
13	Công ty TNHH Minh Chung	18 Sông Mã, Vĩnh Hòa	148 26/4/2014	Đầy đủ	Đã đăng kiểm, chưa đăng ký	Đã đăng ký	-nt-
14	Công ty CP Thương mại Đức Lộc	30 Sông Mã, Vĩnh Yên	222 23/6/2014	Đầy đủ	Đã đăng kiểm, chưa đăng ký	Đã đăng ký	-nt-
VII	Huyện Lang Chánh						
15	Công ty TNHH Khai thác khoáng sản và DVTM Chí Dũng	Sông Âm, xã Quang Hiến, xã Tân Phúc	331 05/9/2016	Đầy đủ	Đã đăng kiểm, chưa đăng ký	Đã đăng ký	-nt-
IIIX	Huyện Cẩm Thủy						
16	Công ty CP Thọ Nam Sơn	115, Sông Mã, xã Cẩm Bình	124 10/4/2014	Đầy đủ	Đã đăng kiểm, chưa đăng ký	Đã đăng ký	-nt-
17	Công ty TNHH MTV Thái Dương	121, Sông Mã xã Cẩm Thành	74 22/02/2016				Mỏ cát nằm trong lòng hồ Thủy điện Cẩm Thủy 1; UBND tỉnh đã giao UBND huyện Cẩm Thủy làm việc với 02 doanh nghiệp để giải quyết

IX	Huyện Bá Thước						
18	Công ty CP Xây dựng hạ tầng Hồng Kỳ	Sông Mã (lòng hồ thủy điện), Thiết Ống, Thiết Kế	101 18/3/2016	Đầy đủ	Đã đăng kiểm, chưa đăng ký	Đã đăng ký	Đang khai thác
X	Huyện Thọ Xuân						
19	Doanh nghiệp tư nhân Hải Lam	18 Sông Chu, Xuân Thành, Hạnh Phúc, Xuân Lai	28 03/4/2013	Đầy đủ	Đã đăng kiểm, chưa đăng ký	Đã đăng ký	Đang khai thác
20	Công ty CP vật liệu XD Hùng Cường	17 Sông Chu, Thọ Nguyên	47 04/5/2013	Đầy đủ	Đã đăng kiểm, chưa đăng ký	Đã đăng ký	-nt-
21	Công ty TNHH TMDV Lâm Tuấn	28 Sông Chu, Xuân Hòa, Xuân Tín, Thọ Lập	145 23/4/2014	Đầy đủ	Đã đăng kiểm, chưa đăng ký	Đã đăng ký	-nt-
22	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Cường Mạnh	10, xã Thọ Trường	143 16/01/2017	Đầy đủ	Đã đăng kiểm, chưa đăng ký	Đã đăng ký	-nt-
23	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Cường Mạnh	số 25, Sông Chu, xã Thọ Lâm và xã Xuân Lam	167 16/01/2017	Đầy đủ	Đã đăng kiểm, chưa đăng ký	Đã đăng ký	-nt-
24	Công ty CP Khoáng sản Phong Thủy	11a, Sông Chu, xã Xuân Lai	161 16/01/2017	Đầy đủ	Đang xây dựng cơ bản		Chưa tổ chức khai thác do đang đầu tư xây dựng cơ bản

Phụ lục 3: Danh mục các Bãi tập kết, kinh doanh cát được kiểm tra trên địa bàn tỉnh
(Kèm theo Báo cáo số : **99** /BC-UBND ngày **05** tháng **7** năm **2018** của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên đơn vị	Địa điểm bãi	Quyết định thuê đất	Mức giới bãi	Hồ sơ về môi trường	Nguồn gốc cát	Ghi chú
I	TP Thanh Hóa						
1	Công ty CP Vĩnh An	Thiệu Dương	2384 22/7/2011	Đầy đủ			Đang dừng hoạt động do nguồn cát lấy từ các mỏ đang gia hạn
2	Doanh nghiệp tư nhân Nguyên Dương	Thiệu Dương	1958 21/6/2011	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	Đang hoạt động
3	Công ty TNHH Tuấn Minh	Thiệu Khánh	1750 03/6/2011	Đầy đủ			Đang dừng hoạt động do nguồn cát lấy từ các mỏ đang gia hạn
4	Công ty cổ phần Xây dựng Tiến Đạt	Hoàng Anh	1290 25/4/2017	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	Đang hoạt động
5	Công ty TNHH Tâm Đức	Hoàng Anh	2854 03/8/2015	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-
6	Công ty TNHH Tâm Đức	Tào Xuyên	3395 24/9/2010	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-
7	Công ty TNHH Nga Sơn Phát	Tào Xuyên	1540 18/5/2011	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-
8	Công ty TNHH Hương Bình	Tào Xuyên	465 01/02/2013	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-
9	Công ty CP Dịch vụ Thương mại tổng hợp Thủy Sơn	Hầm Rồng	1338 19/4/2016				Hết hạn, UBND tỉnh đã có Quyết định thu hồi số 1885/QĐ-UBND ngày 22/5/2018
10	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Thanh Hóa	Hoàng Lý	4270 29/12/2008				Không tập kết cát, đang tập kết than
11	Tổng CT ĐTXD và TM Anh Phát- CTCP	Hoàng Lý	3643 04/11/2011				Không tập kết cát, đang tập kết than
12	Công ty CP Vật liệu và XD Thanh Hóa	Hoàng Lý	3918 30/11/2011				Không tập kết cát, đang tập kết than
13	Doanh nghiệp tư nhân Bắc Tào Xuyên	Hoàng Lý	3830 16/11/2012	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	Đang hoạt động
14	Công ty CP Đầu tư Phát triển Lê Hoàng	Đông Hải	1863 31/5/2010	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-
15	Công ty CP Thương mại và Xây dựng Minh Đạt	Đông Hải	2537 23/7/2010	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-

16	Công ty TNHH Đức Thủy	Đồng Hải	3826 27/10/2010	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-
17	Tổng Công ty xây dựng và thương mại Hưng Đô	Hoàng Quang	590 12/02/2015				-nt-
18	Doanh nghiệp tư nhân Hải Lam	Hoàng Đại	652 14/02/2015	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-
II	Huyện Thiệu Hóa						
19	Công ty CP XD và TM Thanh Tâm	Thị trấn Vạn Hà	3908 06/10/2015	Đầy đủ			Đang dừng tập kết do cát được lấy từ mỏ chưa được khai thác trở lại
20	Công ty CP XD và TM Thanh Tâm	Thiệu Nguyên	3906 06/10/2015	Đầy đủ			Đang dừng tập kết do cát được lấy từ mỏ chưa được khai thác trở lại
21	Tổng Công ty XD và TM Hưng Đô - CTCP	Thiệu Đô	3501 04/10/2010	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	Đang hoạt động
22	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Trường Sa	Thiệu Vũ	1622 30/5/2012	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-
23	Tổng Công ty Đầu tư xây dựng và Thương mại Anh Phát-CTCP	Thiệu Vận	2479 17/7/2013	Đầy đủ			Không có mỏ, đang dừng tập kết
24	Công ty TNHH Trần Đức Thái	Thiệu Phúc	230 20/11/2017	Đầy đủ			Không có mỏ, đang dừng tập kết
25	Công ty CP Đầu tư Phát triển T&D Hà Nội tại Thanh Hóa	Thiệu Minh	3188 28/9/2012	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	Đang hoạt động
26	Công ty CP Đầu tư Phát triển T&D Hà Nội tại Thanh Hóa	Thiệu Toán	4446 12/12/2013	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-
27	Doanh nghiệp tư nhân Hải Lam	Thiệu Toán	1445 15/5/2014	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-
28	Công ty cổ phần Vật liệu XD Hùng Cường	Thiệu Toán	3112 19/8/2015	Đầy đủ			Đang dừng tập kết do cát được lấy từ mỏ chưa được khai thác trở lại
III	Huyện Yên Định						
29	Công ty TNHH Nam Lực	Định Hải	53 09/01/2015	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	Đang hoạt động
30	Công ty TNHH MTV Trường Tuấn	Yên Phong	935 03/4/2014	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-
31	Công ty TNHH MTV Trường Tuấn	Yên Thái	3154 22/8/2016	Đầy đủ			Đang dừng hoạt động do cát được lấy từ mỏ đang hoàn thiện thủ tục
32	Công ty TNHH Nhất Linh	Yên Trường	3747	Đầy đủ			Đang dừng hoạt động do vị trí

			03/11/2014				giữa mỏ và bãi không phù hợp,
IV	Huyện Vĩnh Lộc						
33	Công ty TNHH Minh Chung	Vĩnh Hùng	662 03/3/2017	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	Đang hoạt động
34	Công ty TNHH Phạm Đức Minh Anh	Vĩnh Hòa	2201 24/6/2016	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-
35	Công ty CP Thương mại Đức Lộc	Vĩnh Yên	908 18/3/2015	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-
36	Công ty TNHH Thương mại Thanh Chiến	Vĩnh Minh	1130 8/4/2013	Đầy đủ			Không có mỏ, đang dừng hoạt động
37	Hợp tác xã Xây dựng Thành Công	Vĩnh Ninh	1656 02/6/2014	Đầy đủ			Đang hoạt động
V	Huyện Cẩm Thủy						
38	Doanh nghiệp tư nhân Thăng Hiền	Cẩm Vân	4165 12/12/2012	Đầy đủ			Đang dừng hoạt động để đầu tư cơ sở hạ tầng và hoàn thiện thủ tục
39	Doanh nghiệp tư nhân Vân Lộc	Cẩm Vân	2496 02/8/2011	Đầy đủ			-nt-
40	Công ty khai thác cát sỏi và Xây dựng Hợp Thịnh	Cẩm Yên	2171 06/7/2011	Đầy đủ			-nt-
41	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Đức Cường	Cẩm Giang	1370 26/4/2013	Đầy đủ			-nt-
42	Công ty cổ phần Xây dựng Hưng Thái An	Thị trấn Cẩm Thủy	1131 08/4/2013				Đang dừng hoạt động, UBND tỉnh đã đồng ý chủ trương thu hồi
VI	Huyện Bá Thước						
43	Công ty CP Xây dựng hạ tầng Hồng Kỳ	Ban Công	1189 17/4/2017	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	Đang hoạt động
VII	Huyện Thọ Xuân						
44	Công ty TNHH DVTM Lâm Tuấn	Thị trấn Thọ Xuân	2578 12/8/2014	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-
45	Doanh nghiệp tư nhân Hải Lam	Xuân Lai	3070 14/8/2015	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-
46	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Cường Mạnh	Thọ Lâm	2042 14/6/2017	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-
47	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Cường Mạnh	Xuân Khánh	2043 14/6/2017	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-
48	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Sơn Vũ	Xuân Lam	4327 14/11/2017	Đầy đủ			-nt-

IIIX	Huyện Hậu Lộc						
49	Công ty TNHH MTV Mai Hương D-L	Đồng Lộc	2324 24/6/2015	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-
VII	Huyện Hoằng Hóa						
50	Công ty TNHH Vận tải XD Hoàng Anh	Hoằng Giang	4058 04/12/2012	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	-nt-
51	Công ty CP Xây dựng TM Tuấn Minh	Hoằng Xuân	1668 17/5/2016	Đầy đủ			Đang dừng hoạt động để hoàn thiện thủ tục cấp mỏ
IIIX	Huyện Thạch Thành						
52	Công ty TNHH Tuấn Sinh	Thành Hưng	1243 16/4/2013	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	Đang hoạt động
IX	Huyện Hà Trung						
53	Công ty TNHH Đức Cường	Hà Lâm	289 19/01/2012	Đầy đủ			Không có mỏ, đang dừng hoạt động
54	Công ty TNHH Thìn Thuận	Thị trấn Hà Trung	5586 31/12/2015	Đầy đủ			-nt-
55	Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Vũ Bảo	Hà Hải	546 05/02/2013	Đầy đủ			-nt-
X	Huyện Nga Sơn						
56	Công ty TNHH Vật liệu xây dựng và vận tải Thành Hưng	Nga Lĩnh	259 17/01/2013	Đầy đủ			Đang dừng hoạt động để đầu tư máy móc, thiết bị
57	Công ty TNHH Vật liệu xây dựng và Vận tải Thành Hưng	Nga Thạch	2739 22/8/2011	Đầy đủ			-nt-
58	Công ty TNHH Tuấn Thơ	Nga Lĩnh	258 17/01/2013	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	Đang hoạt động
XI	Thành phố Sầm Sơn						
59	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thăng Long	Quảng Châu	4378 10/12/2009	Đầy đủ			Đang dừng hoạt động do dự án nạo vét sông Mã dừng hoạt động
60	Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Quyết Thắng	Quảng Châu	5263 09/12/2015				Không tập kết cát, đang tập kết quặng sắt
61	Công ty TNHH Sơn Hoài Hải	Quảng Tiến	390 29/01/2013	Đầy đủ	Đầy đủ	Hợp pháp	Đang hoạt động

Phụ lục 4: Danh mục các chính sách của Trung ương và của Tỉnh hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo ở miền núi, vùng cao
(Kèm theo Báo cáo số: 99 /BC-UBND, ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Số hiệu văn bản	Tên chính sách	Kiến nghị	Lý do kiến nghị và nhận xét	Cơ quan chủ trì đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới CS	Ghi chú
A CHÍNH SÁCH DO TRUNG ƯƠNG BAN HÀNH						
I Chính sách còn phù hợp đề nghị giữ nguyên 10 chính sách.						
1	Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ	Chính sách đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn	Giữ nguyên hiệu lực	Chính sách đối với các hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn đã phát huy hiệu quả, tăng cường hỗ trợ, tăng thu nhập và mức sống của đồng bào. Các nội dung chính sách đang còn phù hợp. Đề nghị giữ nguyên hiệu lực thi hành	Ngân hàng Chính sách Xã hội	
2	Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ	Chính sách về tín dụng đối với học sinh, sinh viên	Giữ nguyên hiệu lực	Cơ chế, nội dung chính sách đang còn phù hợp đề nghị giữ nguyên hiệu lực thi hành.	Ngân hàng Chính sách Xã hội	
3	Nghị quyết 30a/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ	thực hiện chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo, xã nghèo.	Giữ nguyên hiệu lực	Nguồn vốn hạn chế, không kịp thời. Do đó, đề nghị Trung ương và tỉnh sớm bố trí vốn để triển khai thực hiện chính sách kịp thời. Đồng thời, xem xét cho huyện Như Xuân tiếp tục thực hiện chính sách đến năm 2020.	Sở Lao động, Sở Kế hoạch	
4	Nghị định số 116/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ	chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK	Giữ nguyên hiệu lực	Chính sách có ý nghĩa lớn đối với thu hút nguồn nhân lực cho vùng miền núi, đặc biệt khó khăn góp phần phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng. Đề nghị giữ nguyên hiệu lực chính sách. Tuy nhiên, cần có văn bản thống nhất giữa các bộ, ngành h	Sở Nội vụ	

TT	Số hiệu văn bản	Tên chính sách	Kiến nghị	Lý do kiến nghị và nhận xét	Cơ quan chủ trì đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới CS	Ghi chú
5	Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013, Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/2/2014 và Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 và của Thủ tướng Chính phủ	Chính sách hỗ trợ hộ nghèo và người có công với cách mạng về nhà ở	Giữ nguyên hiệu lực	Cơ chế, nội dung chính sách đang còn phù hợp đề nghị giữ nguyên hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách.	Sở Xây dựng	
6	Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 18/7/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ	chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Giữ nguyên hiệu lực	Đề nghị giữ nguyên hiệu lực chính sách. Tuy nhiên, đề nghị bố trí vốn để thực hiện nội dung tham quan, nghỉ dưỡng cho giáo viên vùng khó khăn.	Sở Giáo dục	
7	Quyết định số 66/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ	chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục	Giữ nguyên hiệu lực	Chính sách đang còn phù hợp, đề nghị giữ nguyên hiệu lực thi hành.	Sở Giáo dục	
8	Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm Y tế	Giữ nguyên hiệu lực	Nội dung chính sách đang còn phù hợp, đề nghị giữ nguyên hiệu lực thi hành.	Sở Y tế	
9	Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ.	Chính sách bảo vệ rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020.	Giữ nguyên hiệu lực	Cơ chế, chính sách phát triển lâm nghiệp theo Nghị định 75/2015/NĐ-CP có tác dụng thúc đẩy cho phát triển lâm nghiệp đáp ứng kịp thời của thực tế sản xuất. Các nội dung quy định về đối tượng, nội dung, định mức còn phù hợp.	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	

TT	Số hiệu văn bản	Tên chính sách	Kiến nghị	Lý do kiến nghị và nhận xét	Cơ quan chủ trì đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới CS	Ghi chú
10	Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 27/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ	Chính sách luân chuyển, tăng cường cán bộ chủ chốt cho các xã thuộc 62 huyện nghèo và chính sách ưu đãi, khuyến khích thu hút tri thức trẻ, cán bộ chuyên môn kỹ thuật về tham gia tổ công tác tại các xã thuộc 62 huyện nghèo	Sửa đổi, bổ sung	Điều chỉnh, bổ sung các quy định, cơ chế, chính sách để bảo đảm tính thống nhất trong luân chuyển và quy hoạch cán bộ; kịp thời biểu dương, khen thưởng những cán bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ để khuyến khích, động viên	Sở Nội vụ	
II Chính sách đã được thay thế đề nghị tiếp tục thực hiện: 03 chính sách						
1	Quyết định số 456/QĐ-TTg ngày 18/04/2007 của Thủ tướng Chính phủ	Dự án “Ổn định đời sống, sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Mông huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa đến 2010”	Đề nghị tiếp tục thực hiện	Chính sách này đã hết hiệu lực. Tuy nhiên UBND tỉnh Thanh Hóa đã có Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 kéo dài các nội dung dự án đến năm 2020.	Ban Dân tộc	
2	Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ.	Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020 theo	Đề nghị tiếp tục thực hiện	Chính sách theo đã được thay thế bằng Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 30/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, Trung ương chưa phân bổ kinh phí để triển khai thực hiện. Đề nghị tiếp Trung ương và tỉnh tiếp tục bố trí kinh	Ban Dân tộc	
3	Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 18/3/2011 và Quyết định số 56/QĐ-TTg ngày 10/7/2013 của Thủ tướng	Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Đề nghị tiếp tục thực hiện	Chính sách này đã được thay thế bằng Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Đề nghị tiếp tục thực hiện	Ban Dân tộc	
III Chính sách còn phù hợp nhưng đề nghị sửa đổi bổ sung: 08 chính sách						
1	Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ	chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Sửa đổi, bổ sung	Đề nghị thay đổi tần suất cử tuyển 2 hoặc 3 năm một lần thay vì 1 năm một lần như hiện nay); nâng điều kiện cử tuyển cả học lực và hạnh kiểm: gắn trách nhiệm của địa phương đối với việc cử đi và tiếp nhận sau khi sinh viên ra	Sở Giáo dục	

TT	Số hiệu văn bản	Tên chính sách	Kiến nghị	Lý do kiến nghị và nhận xét	Cơ quan chủ trì đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới CS	Ghi chú
2	Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010 - 2015	Sửa đổi, bổ sung	Đề nghị bổ sung đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ nhà trẻ.	Sở Giáo dục	
3	Quyết định số 14/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ	Chính sách khám, chữa bệnh cho người nghèo	Sửa đổi, bổ sung	Đề xuất sửa đổi đối tượng thụ hưởng, phải là người nghèo theo quy định của Chính phủ; giảm mức chi phí hỗ trợ tiền ăn xuống còn 20.000đồng/ngày/người; tạm dừng hỗ trợ chi phí đi lại.	Sở Y tế	
4	Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ	Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020	Sửa đổi, bổ sung	Đề nghị Chính phủ tăng nguồn kinh phí để thực hiện chính sách; có chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất để tạo sinh kế cho các hộ phải di dời; có kinh phí chỉ đạo cho ban chỉ đạo cấp huyện, xã.	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
5	Quyết định số 59/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi vùng đặc biệt khó khăn	Sửa đổi, bổ sung	Đề xuất Trung ương rà soát, giảm số lượng báo, tạp chí; thu gọn đối tượng thụ hưởng; nâng cao chất lượng nội dung của các báo được phát để đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, thu hút	Sở Thông tin Truyền thông	
6	Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ	Cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015-2016 đến	Sửa đổi, bổ sung	Đề nghị bổ sung đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập là trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo và hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Sở Giáo dục	
7	Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ	Chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	Sửa đổi, bổ sung	Đề nghị bổ sung đối tượng là học sinh trung tâm giáo dục - nghề nghiệp thường xuyên theo học chương trình trung học cơ sở, trung học phổ thông; tăng mức tiền ăn bán trú lên 60% lương cơ sở. Đề nghị UBND tỉnh xem xét tăng số lần cấp gạo (từ 3-4 lần) trong một năm học; hỗ trợ kinh phí vận chuyển gạo từ xe vào kho lưu trữ tạo dk cho các nhà trường trong quá trình tiếp	Sở Giáo dục	

TT	Số hiệu văn bản	Tên chính sách	Kiến nghị	Lý do kiến nghị và nhận xét	Cơ quan chủ trì đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới CS	Ghi chú
8	Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ	Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 (Dự án II Chương trình 135)	Sửa đổi, bổ sung	Tăng định mức đầu tư cho các xã, thôn bản phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trong tình hình mới; hoàn thiện cơ chế quản lý rõ ràng, tránh chồng chéo; xây dựng cơ chế lồng ghép với các chính sách khác một cách hợp lý tránh gây khó khăn cho địa phương.	Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp	
IV Chính sách đề nghị bãi bỏ và tích hợp vào chính sách khác: 07 chính sách						
1	Quyết định số 71/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ	Chính sách hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 – 2020	Đề nghị bãi bỏ	Đề nghị bãi bỏ chính sách này để tránh chồng chéo với Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên cần bổ sung tín dụng ưu đãi đối với lao động thuộc hộ nghèo đi xuất khẩu lao động.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	
2	Quyết định 102/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ	Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân hộ nghèo ở vùng khó khăn	Đề nghị bãi bỏ	Chính sách không còn phù hợp, định mức thấp, không mang tính căn cơ; tạo tâm lý y lại, dằn trái, không hiệu quả.	Ban Dân tộc	
3	Quyết định số 2409/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ	Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Đề nghị bãi bỏ	Định mức thấp, dằn trái, không mang lại hiệu quả trong công tác giảm nghèo; đồng thời tích hợp vào chính sách khác để tập trung nguồn lực đầu tư cho các địa phương đặc biệt khó khăn.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	
4	Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ	Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2015	Đề nghị bãi bỏ	Đề nghị bãi bỏ chính sách này vì chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng đã được tích hợp vào Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	Ban Dân tộc	
5	Quyết định số 54/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ	Chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số ĐBKK	Đề nghị bãi bỏ	Chính sách đã hết hiệu lực thi hành năm 2015 và được tích hợp vào QĐ số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	Ngân hàng Chính sách Xã hội	

TT	Số hiệu văn bản	Tên chính sách	Kiến nghị	Lý do kiến nghị và nhận xét	Cơ quan chủ trì đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới CS	Ghi chú
6	Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 26/01/2011 và Quyết định số 1097/QĐ-TTg ngày 08/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.	Phê duyệt thí điểm tuyển chọn 600 trí thức trẻ ưu tú có trình độ đại học tăng cường về làm Phó Chủ tịch UBND xã thuộc 62 huyện nghèo.	Sửa đổi, bổ sung	Đề nghị bãi bỏ chính sách này trong giai đoạn tiếp theo; đồng thời đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh nghiên cứu sắp xếp, bố trí công việc làm ổn định cho những đội viên trong dự án ở giai đoạn trước nhưng chưa được công nhận chính thức để có điều kiện công tác gắn bó lâu dài tại địa	Sở Nội vụ	
7	Quyết định 1212/QĐ-TTg ngày 05/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ	Chương trình MTQG đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo giai đoạn 2012 - 2015	Giữ nguyên hiệu lực	Đề nghị bãi bỏ chính sách này vì giai đoạn của Chính sách 2012 - 2015, tuy nhiên đề nghị cho phép tích hợp thực hiện đến năm 2020 theo nội dung " Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở" thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.	Sở Thông tin Truyền thông	
B CÁC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN DO TỈNH BAN HÀNH						
I Đề nghị giữ nguyên hiệu lực thi hành - 08 Đề án, dự án						
1	Quyết định số 2181/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh	Đề án "Thực hiện nếp sống văn hóa trong tang lễ vùng đồng bào Mông tỉnh Thanh Hóa đến năm	Giữ nguyên hiệu lực	Đề án đã phát huy tốt hiệu quả, đề nghị tiếp tục thực hiện đến hết năm 2020.	Ban Dân tộc	
2	Quyết định số 3715/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh	Đề án "giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào DTTS tỉnh Thanh Hóa".	Giữ nguyên hiệu lực	Công tác tuyên truyền vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi đối với vấn đề tảo hôn và hôn nhân cận huyết là rất cần thiết. Đề nghị giữ nguyên hiệu lực thi hành và bố trí đủ kinh phí để thực hiện.	Ban Dân tộc	
3	Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh	Đề án "Ổn định đời sống và phát triển kinh tế - xã hội đồng bào Khơ Mú tỉnh Thanh Hóa đến năm	Giữ nguyên hiệu lực	Đề nghị HĐND, UBND tỉnh quan tâm bố trí đủ nguồn vốn để triển khai thực hiện đề án có hiệu quả.	Ban Dân tộc	

TT	Số hiệu văn bản	Tên chính sách	Kiến nghị	Lý do kiến nghị và nhận xét	Cơ quan chủ trì đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới CS	Ghi chú
4	Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 02/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh	Đề án "Ổn định đời sống, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội các bản dân tộc Mông, huyện Quan Sơn giai đoạn 2016 – 2020"	Giữ nguyên hiệu lực	Đề nghị HĐND, UBND tỉnh quan tâm bố trí đủ nguồn vốn để triển khai thực hiện đề án có hiệu quả.	Ban Dân tộc	
5	Quyết định số 4734/QĐ-UBND ngày 07/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh	Đề án "Xây dựng điểm điển hình giảm nghèo nhanh và bền vững tại các huyện nghèo tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020".	Giữ nguyên hiệu lực	Đề nghị HĐND, UBND tỉnh quan tâm bố trí đủ nguồn vốn để triển khai thực hiện đề án có hiệu quả.	Ban Dân tộc	
6	Quyết định số 4438/QĐ-UBND ngày 11/12/2014 của UBND tỉnh	Đề án "Phát triển cây trồng, vật nuôi và các sản phẩm đặc sản trên địa bàn các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020"	Giữ nguyên hiệu lực	Tỉnh chưa bố trí vốn để thực hiện. Đề nghị HĐND, UBND tỉnh quan tâm bố trí vốn để triển khai thực hiện.	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
7	Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của UBND tỉnh	Đề án "Hỗ trợ giảm nghèo cho các xã có tỷ lệ nghèo cao vùng miền núi, không nằm trong danh mục xã ĐBKK CT 135 giai đoạn III.	Giữ nguyên hiệu lực	Từ năm 2016 đến nay tỉnh chưa bố trí được nguồn vốn để triển khai thực hiện. Đề nghị HĐND, UBND tỉnh quan tâm bố trí vốn để triển khai thực hiện.	Ban Dân tộc	
8	Quyết định số 4620/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của UBND tỉnh	Đề án "Bảo tồn, phát triển nghề, làng nghề truyền thống vùng dân tộc thiểu số tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020".	Giữ nguyên hiệu lực	Tỉnh chưa bố trí vốn để thực hiện. Đề nghị HĐND, UBND tỉnh quan tâm bố trí vốn để triển khai thực hiện.	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
II Đề nghị không tiếp tục thực hiện - 01 chính sách						
1	QĐ số 271/QĐ-UBND ngày 21/01/2011 của UBND tỉnh.	Chính sách chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2015.		Hết hiệu lực thi hành từ năm 2015	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	